TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/KDTM-ST
Ngày: 18-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T , TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-KDTM ngày 29/5/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng ...; Địa chỉ: 02 …, phường .., Quận .., Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng ....

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Hoàng, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng ... – chi nhánh Nam thành phố T , tỉnh Phú Yên làm đại diện theo Quyết định số 2665/QĐ-NHN$_o$-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng ....

Ông Hoàng ủy quyền lại cho ông Cao Tấn Thành, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng ... – chi nhánh nam thành phố T , tỉnh Phú Yên theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2023. Địa chỉ: 357 – 359 Nguyễn…, phường Phú Lâm, thành phố T , tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1974 và bà Đặng Thị Ngọc G, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu phố .., phường P.., thành phố T , tỉnh Phú Yên. Ông T vắng mặt, bà G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng ..., ông Cao Tấn T trình bày: Ngày 21/7/2022 giữa Ngân hàng ... – chi nhánh Nam thành phố T , tỉnh Phú Yên (gọi tắt

Ngân hàng) và ông Nguyễn Th, bà Đặng Thị Ngọc G có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201015, theo đó Ngân hàng cho ông T, bà G vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: bán buôn và bán lẻ hải sản. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay này, ông T và bà G đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 784492, thửa đất 162, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường .., thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G ngày 11/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC784492/HĐTC ngày 20/7/2022 và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường .., thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001 ngày 05/01/2028 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC792064/HĐTC ngày 20/7/2022.

Theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân: 4607-LDS-202300226 ngày 21/7/2022, ông T và bà G đã vay số tiền 1.000.000.000 đồng và thời hạn vay 5 tháng, ngày giải ngân là ngày 31/01/2023, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 30/6/2023, kỳ hạn trả lãi 01 tháng 01 lần vào ngày 30.

Trong quá trình sử dụng vốn, bị đơn ông T và bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Đến ngày 31/7/2023, ông T và bà G đã trả được 494.420.000 đồng trong đó nợ gốc 450.000.000 đồng và nợ lãi 44.420.000 đồng, tính đến ngày 18/9/2023, ông T và bà G còn nợ tổng cộng số tiền 565.066.700 đồng trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng và nợ lãi 15.066.700 đồng.

Do ông T và bà G trả được phần nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã trả lại cho ông T và bà G tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 784492, thửa đất 162, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường …, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G ngày 11/3/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC784492/HĐTC ngày 20/7/2022.

Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa buộc ông T và bà G phải trả số tiền nợ tính đến ngày 18/9/2023 là 565.066.700 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T và bà G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường …, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001 ngày 05/01/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC792064/HĐTC ngày 20/7/2022 để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà G trình bày: Vợ chồng chúng tôi thống nhất như lời trình bày của Ngân hàng về ký kết hợp đồng tín dụng cũng như thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay tại ngân hàng, tuy nhiên về thời hạn vay là 06 tháng chứ không phải 05 tháng như nguyên đơn trình bày. Hiện nay vợ chồng tôi khó khăn nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên xin tiếp tục trả lãi hàng tháng và tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận. Nếu vi phạm cam kết, Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Căn cứ vào các Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Luật thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố .., phường P, thành phố T , tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201015 ngày 21/7/2022, Ngân hàng ... – chi nhánh Nam thành phố T , tỉnh Phú Yên có cho ông Nguyễn Th, bà Đặng Thị Ngọc G vay số tiền 1.000.000.000 đồng, phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức, mục đích vay vốn: bán buôn và bán lẻ hải sản. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng đến ngày 21/7/2023. Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ: Theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân: 4607-LDS-202300226 ngày 21/7/2022, ông T và bà G đã vay số tiền 1.000.000.000 đồng và thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân là ngày 31/01/2023, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 30/6/2023, kỳ hạn trả lãi 01 tháng 01 lần vào ngày 30.

Sau khi vay vốn, ông T và bà G đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết nhưng đến ngày 01/03/2023 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nợ nhưng ông T và bà G không trả nợ. Ngày 31/7/2023, ông T và bà G đã trả được 494.420.000 đồng trong đó nợ gốc 450.000.000 đồng và nợ lãi 44.420.000 đồng, tính đến ngày 18/9/2023, ông T và bà G còn nợ tổng cộng số tiền 565.066.700 đồng trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng và nợ lãi 15.066.700 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T và bà G thừa nhận tháng 01 năm 2023 có vay Ngân hàng ... – chi nhánh Nam thành phố T , tỉnh Phú Yên số tiền 1.000.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn và tính đến ngày 18/9/2023, còn nợ tổng cộng số tiền 565.066.700 đồng trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng và nợ lãi 15.066.700 đồng. Nhưng vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin nguyên đơn tiếp tục trả lãi hàng tháng và tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền số tiền tính đến ngày 18/9/2023 là 565.066.700 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Đối với ý kiến của bị đơn bà G cho rằng thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 30/7/2023) không phải 05 tháng (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 30/6/2023) như nguyên đơn trình bày. Xét thấy: Theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 4607-LDS-202300226 ngày 21/7/2022 thì thời hạn vay 05 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 30/6/2023 đã được nguyên đơn và bị đơn ông T ký xác nhận, ngoài tài liệu trên bị đơn bà G không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện thời hạn vay 06 tháng nên trình bày của bị đơn bà G là không có cơ sở chấp nhận.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC784492/HĐTC ngày 20/7/2022, ông T và bà G đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 784492, thửa đất 162, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường P, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G ngày 11/3/2011 và theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC792064/HĐTC ngày 20/7/2022 ông T và bà G đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường P, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001 ngày 05/01/2018).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã trả lại cho bị đơn ông T và bà G tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 784492, thửa đất 162, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường P, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G ngày 11/3/2011 và nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa giải quyết đối với tài sản nêu trên nên HĐXX không xem xét.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., phường P, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001 ngày 05/01/2018), vì đây là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201015 ngày 21/7/2022 của ông T và bà G tại Ngân hàng .... Do đó, trường hợp bị đơn ông T và bà G không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng ... được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T , tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố 6, phường Phú Đông, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC792064/HĐTC ngày 20/7/2022 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T và bà G phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng nên bị đơn ông T và bà G phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 và Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng ....

Buộc bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng ... tổng cộng số tiền tính đến ngày 18/9/2023 là 565.066.700 đồng *(năm trăm sáu mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng)* trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng *(năm trăm năm mươi triệu đồng)* và nợ lãi 15.066.700 đồng *(mười lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2023), bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G trả nợ xong cho nguyên đơn Ngân hàng ... thì nguyên đơn Ngân hàng ... phải trả lại bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đất số BC 792064, thửa đất 30, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố .., P, thành phố T , tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T , tỉnh phường Phú Yên cấp cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L (ông C và bà L đã tặng cho ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G theo hồ sơ số 018365.TA.001 ngày 05/01/2018) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BC792064/HĐTC ngày 20/7/2022 mà hai bên đã ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*. Do nguyên đơn Ngân hàng ... đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng)* nên bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng ... số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*.

Về án phí : Bị đơn ông Nguyễn Th và bà Đặng Thị Ngọc G phải chịu 26.602.668 đồng *(hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng ... số tiền tạm ứng án phí 21.328.000 đồng *(hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008208 ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T , tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T ;
- Lưu hồ sơ, án văn.